

TRUNG QUỐC TRONG CHÍNH SÁCH ĐÔNG NAM Á, NAM Á CỦA MỸ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Ts. Nguyễn Thị Hương Canh
Trường ĐHSB - ĐH Thái Nguyên

Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ đặc biệt quan tâm đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Điều đó được thể hiện qua lời phát biểu của Ngoại trưởng Mỹ Christopher ngày 17/11/1993 tại Seattle: *"Trên bước đường tiến tới thế kỷ XXI, nước Mỹ cần hướng tới Châu Á. Tương lai của chúng ta là Thái Bình Dương, ngày nay không có khu vực nào trên thế giới quan trọng đối với Mỹ hơn là châu Á - Thái Bình Dương"*. Lợi ích chiến lược hàng đầu của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương là duy trì cân bằng lực lượng có lợi cho vai trò chi phối của Mỹ, nhưng trở ngại chính của những mục tiêu an ninh mà Mỹ đang theo đuổi ở khu vực là Trung Quốc. Tổng thống Bill Clinton - người thiên về nhấn mạnh hợp tác với Trung Quốc cũng từng nói: *"Đối với Trung Quốc, Mỹ có lợi ích sống còn trong việc đưa Trung Quốc hội nhập vào cơ cấu an ninh của khu vực, bởi ngay khi Trung Quốc không tiếp cận Mỹ với sức mạnh tổng hợp quốc gia vào năm 2010, thì họ cũng sẽ làm như vậy vào những thập kỷ sau đó"*.

Qua đó có thể thấy, Mỹ đánh giá cao vị trí của Trung Quốc, đồng thời cũng nhận thức được chỉ có Trung Quốc mới là quốc gia có tiềm năng "thách thức vai trò của Mỹ" tại khu vực châu Á -

Thái Bình Dương. Vì vậy, mọi chính sách của Mỹ ở khu vực này đều chịu sự tác động rất lớn của nhân tố Trung Quốc. Đông Nam Á và Nam Á cũng không nằm ngoài điều đó.

1. Chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á

Trong Chiến tranh Lạnh, nói chung khu vực Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của phương Tây, chủ yếu là Mỹ nhiều hơn là ảnh hưởng của Trung Quốc. Điều đó được thể hiện bằng việc Philippines, Thái Lan và mức độ thấp hơn là Singapore có sự liên minh quân sự với Mỹ, còn Trung Quốc hầu như chỉ có quan hệ với lực lượng Pol Pot ở Campuchia và chính quyền quân sự ở Myanmar, Việt Nam thì lấy hợp tác hữu nghị với Liên Xô làm "nền tảng của đường lối đối ngoại". Mặc dù trong những năm 80 của thế kỷ XX, Mỹ và các nước phương Tây, chính phủ các nước ASEAN đã cùng với Trung Quốc ủng hộ lực lượng của Shihanouk và Pol Pot chống lại Việt Nam, cũng là chống lại ảnh hưởng của Liên Xô tại Campuchia, nhưng mục tiêu của Mỹ và Trung Quốc trong vấn đề của Campuchia là hoàn toàn khác nhau. Trung Quốc hỗ trợ cho bọn diệt chủng Pol Pot, còn Mỹ vừa phản đối chủ nghĩa diệt chủng Pol Pot vừa

chống Việt Nam. Tình hình quốc tế và khu vực sau Chiến tranh Lạnh thay đổi đã làm thay đổi chính sách của Trung Quốc và Mỹ trong vấn đề Campuchia cũng như đối với khu vực Đông Nam Á nói chung.

Ngay sau Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc đã lần lượt khôi phục quan hệ ngoại giao hoặc kiến lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước ASEAN, từ bỏ hậu thuẫn cho lực lượng Khmer đỏ ở Campuchia, lấy năm 1991 là năm đối thoại với ASEAN và năm 1993 là "năm ASEAN" của Trung Quốc. Năm 1996, Trung Quốc đã trở thành "nước đối thoại toàn diện" của ASEAN và năm 1997 đã ra đời "Ủy ban hợp tác hỗn hợp Trung Quốc - ASEAN", hai bên nhất trí "thiết lập quan hệ đối tác láng giềng thân thiện, tin cậy và hợp tác toàn diện hướng tới thế kỷ XXI". Trong mấy năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã đi trước Mỹ và Nhật Bản, tăng cường quan hệ kinh tế - thương mại với ASEAN, đặc biệt là đẩy nhanh lộ trình và đã thành lập "khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN". Nói chung, từ sau Chiến tranh Lạnh ảnh hưởng của Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh đối với khu vực Đông Nam Á đã tăng nhanh. Mặt khác, giữa Trung Quốc với ASEAN cũng đang tồn tại vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. Tình hình đó không thể không tác động tới chính sách của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á.

Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á nằm trong chiến lược châu Á - Thái Bình Dương, thời kỳ Chiến tranh Lạnh chủ yếu cạnh tranh với ảnh hưởng của Liên Xô, sau Chiến tranh Lạnh chủ yếu kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Về mặt chính trị và an ninh, chính sách của Mỹ là

không để cho Trung Quốc "lấp chỗ trống" sau khi ảnh hưởng của Mỹ bị giảm sút qua thất bại trong chiến tranh Đông Dương năm 1975 và ảnh hưởng của Nga bị suy giảm sau khi Liên Xô giải thể năm 1991. Trong những thập niên cuối thế kỷ XX, Mỹ cố gắng duy trì quan hệ với các nước ASEAN và những năm đầu thế kỷ XXI, nhất là sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, Mỹ đã lấy hợp tác chống khủng bố quốc tế làm lý do tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Cuộc gặp thượng đỉnh ASEAN năm 1992 đã tuyên bố "ASEAN sẽ tìm cách lôi cuốn các quốc gia thành viên vào các lĩnh vực hợp tác mới trong các vấn đề an ninh". Năm 1993, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) đã được thành lập, có sự tham gia của các cường quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga). Năm 1996, ARF đã bắt đầu triển khai một số sáng kiến hợp tác an ninh và được thừa nhận là một diễn đàn quan trọng thực hiện hợp tác an ninh giữa các cường quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong những năm gần đây, Trung Quốc cũng tỏ ra sốt sắng đối với nỗ lực hợp tác đa phương này, còn Mỹ cũng rất quan tâm đến ARF và muốn lợi dụng ARF để kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực. Tại diễn đàn ARF năm 2005, phía Mỹ đã nhấn mạnh sự lo ngại trước sức mạnh quân sự của Trung Quốc gia tăng mạnh mẽ và không minh bạch. Đồng thời, Mỹ đã tăng cường hợp tác quân sự với các đối tác ở Đông Nam Á. Tháng 8/2005, trong thời gian Trung - Nga tập trận chung quy mô lớn "Sứ mệnh hòa bình 2005", Mỹ không những tập trận lớn ở khu vực quần đảo Okinawa với tên gọi

"JAXEX 05" mà quân đội Mỹ còn tham dự cuộc diễn tập do Singapore tổ chức với tên gọi "Deep Sabre" từ ngày 15 đến ngày 19/8/2005 (tham dự cuộc tập trận này còn có Anh, Nhật, Australia, New Zealand), tham gia cuộc tập trận chung hàng năm giữa quân đội Mỹ và quân đội Philippines với tên gọi "CARAI" từ ngày 16 đến ngày 22/8/2005 (Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei cùng tham dự). Các cuộc tập trận này, cũng như những nỗ lực hợp tác quân sự giữa Mỹ với các đối tác ASEAN, trước mắt là vì lý do chống khủng bố, nhưng về lâu dài là nhằm đối phó với những hoạt động quân sự của Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á, nhất là Biển Đông.

Biển Đông không những quan trọng đối với các nước chủ nhà Đông Nam Á, mà cũng rất quan trọng đối với lợi ích chiến lược của Trung Quốc và Mỹ về kinh tế và an ninh. Đối với Mỹ, Biển Đông không chỉ là địa bàn tranh chấp về nguồn cung cấp dầu mỏ, mà còn là một tuyến giao thông quan trọng về thương mại cũng như về hoạt động quân sự. Mỹ cần khống chế con đường qua eo biển Malacca, trước mắt là chống khủng bố, về lâu dài là chặn đường hàng hải của Trung Quốc qua Ấn Độ Dương và Trung Đông khi cần thiết. Mỹ tuyên bố trung lập, không can thiệp vào sự tranh chấp chủ quyền giữa các nước đối với Biển Đông, trong đó có vấn đề Trường Sa và Hoàng Sa. Nhưng nếu Trung Quốc sử dụng vũ lực trong vấn đề Biển Đông thì không loại trừ khả năng Mỹ sẽ can thiệp. Chính sách của Mỹ đối với các nước Đông Nam Á nói chung có thể chia ra ba loại đối tượng: Đối với các nước vốn có quan hệ đồng minh truyền thống với Mỹ như Philippines, Thái Lan, Singapore...

Mỹ tăng cường quan hệ toàn diện; đối với các nước Hồi giáo Indonesia, Malaysia và như Việt Nam và Lào, Mỹ cố gắng phát huy ảnh hưởng; còn đối với Myanmar có quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc, Mỹ hợp tác với các nước phương Tây khác siết chặt vòng vây cô lập, hỗ trợ các "lực lượng dân chủ" chống lại chính quyền quân sự. Chuyến thăm 6 nước Đông Nam Á của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ đầu năm 2005 là nhằm muốn tăng cường quan hệ với các nước ASEAN (trừ Myanmar), kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc và quan hệ giữa Trung Quốc với các nước ASEAN. Tuy nhiên, chính sách của các nước ASEAN đối với Mỹ và Trung Quốc đều tùy thuộc vào đường lối đối ngoại của mỗi nước và cũng xuất phát từ lợi ích của quốc gia. Nhưng nhìn chung, xu thế của nhiều nước ASEAN là cố gắng cân bằng quan hệ với Trung Quốc và với Mỹ, mặc dù sự cân bằng đó ở các nước và các lĩnh vực có sự khác nhau (ví như Philippines, Singapore, Thái Lan vẫn là những "đồng minh" của Mỹ, nhưng lại tăng cường quan hệ kinh tế - thương mại với Trung Quốc). Nhờ có lợi thế, Trung Quốc đã đi trước một bước trong việc thành lập khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, nhưng Mỹ cũng không muốn cạnh tranh với Trung Quốc trong hợp tác kinh tế đa phương đó. Ngược lại, Mỹ đã đẩy mạnh hợp tác kinh tế song phương, bằng cách ký kết các hiệp ước song phương về thương mại giữa Mỹ với từng nước Đông Nam Á.

Về mặt quân sự, kể từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, hàng năm Mỹ và một số nước đồng minh như Philippines, Thái Lan, Singapore và Malaysia đã tổ chức tập trận chung. Mục đích của các cuộc tập trận chung

được các nước này giải thích là xuất phát từ lợi ích chung và để chủ động bảo vệ an ninh cũng như lợi ích của từng nước.

2. Chính sách của Mỹ đối với Nam Á

Nhân tố Trung Quốc cũng đã tác động đến chính sách của Mỹ đối với khu vực Nam Á, trước hết là Ấn Độ và Pakistan. Trong mấy chục năm qua, Pakistan là nước bạn truyền thống của Trung Quốc, trong khi Ấn Độ đối với Trung Quốc vẫn ở trong tình trạng "không phải là bạn nhưng cũng chẳng phải là thù", và như trên biên giới Trung - Ấn hơn 40 năm qua "không có chiến tranh nhưng cũng chẳng có hòa bình".

Trong cuộc chiến tranh Afghanistan, Pakistan vốn là nước duy nhất công nhận chính quyền Taliban, nay lại trở thành đồng minh của Mỹ. Như vậy, trong cuộc chiến Afghanistan, Mỹ đã "nhất cử lưỡng lợi", vừa giáng đòn phủ đầu đối với lực lượng khủng bố chống Mỹ, vừa thừa cơ thâm nhập ảnh hưởng sâu vào Nam Á và Trung Á, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực quan trọng này. Mỹ không thể biến Pakistan từ đối tác thân cận của Trung Quốc thành đồng minh của riêng Mỹ, nhưng ít nhất cũng làm cho quan hệ Trung Quốc - Pakistan không còn như trước.

Song cả Mỹ và Trung Quốc đều thấy rằng, quốc gia có tầm quan trọng hàng đầu ở Nam Á vẫn là Ấn Độ. Do vậy, sau cuộc chiến Afghanistan, Trung Quốc đã có điều chỉnh lớn quan hệ với Ấn Độ, thể hiện rõ trong kết quả chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo (tháng

4/2005). Sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc với Nga và Trung Quốc với Ấn Độ trong những năm qua đã làm cho dư luận nhiều nước nhắc lại ý tưởng của Nga trước đây về việc thành lập một Liên minh Nga - Trung - Ấn. Năm 2005, lần đầu tiên quân đội Nga - Trung tập trận chung "Sứ mệnh hòa bình 2005", cũng là lần đầu tiên quân đội Nga - Ấn tập trận chung "Indra - 2005". Từ đó mở ra khả năng cho cuộc tập trận chung giữa ba nước Nga - Trung - Ấn và sự xích lại gần nhau, như là một xu thế... Trên thực tế, Mỹ không muốn Ấn Độ xích lại gần Trung Quốc mà muốn sử dụng Ấn Độ như là một đối trọng với Trung Quốc trên lục địa châu Á. Bởi vì, nếu Nga - Trung - Ấn liên kết với nhau, cho dù không phải để đối chọi với Mỹ, thì cũng tạo ra một sự thay đổi cán cân lực lượng không có lợi cho Mỹ trên lục địa Á - Âu.

Do vậy, chính sách của Mỹ là nỗ lực cải thiện quan hệ với Ấn Độ. Ngay sau chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo (tháng 4/2005), Ngoại trưởng Mỹ C. Rice đã có chuyến thăm đáp lễ Ấn Độ (tháng 5/2005) và trình trọng tuyên bố: "Mỹ sẽ giúp Ấn Độ trở thành cường quốc của thế kỷ XXI". Tiếp đó, chuyến thăm chính thức nước Mỹ của Thủ tướng Ấn Độ M. Singh (tháng 7/2005) đã được đón tiếp rất trọng thể. Tổng thống Mỹ Bush hứa sẽ làm tất cả để chuyến thăm của Thủ tướng Singh trở thành "một sự kiện lớn".

Theo báo chí phương Tây, Thủ tướng Singh đã nhận được sự đón tiếp "trên mức tình cảm". Trong chuyến thăm này, hai bên Mỹ - Ấn đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác kinh tế - quân sự quan trọng, đặc biệt là Mỹ

cam kết chia sẻ công nghệ hạt nhân với Ấn Độ. Quan hệ Mỹ - Ấn rõ ràng đã chuyển sang một giai đoạn mới. Từ sau cuộc chiến Afghanistan, Mỹ cũng đã cải thiện quan hệ với Pakistan, phía Mỹ đã bán cho Pakistan một số lượng đáng kể vũ khí và thiết bị quân sự hiện đại. Tuy nhiên, quan hệ Mỹ - Pakistan không thể so sánh với quan hệ Mỹ - Ấn Độ, một phần do vị trí của Ấn Độ nổi bật hơn, mặt khác, Mỹ thừa hiểu dù có cải thiện quan hệ với Mỹ, Pakistan vẫn là đối tác thân cận với Trung Quốc. Dẫu sao, chính sách của Mỹ đối với Ấn Độ và Pakistan cũng không thể tách rời nhân tố Trung Quốc. Việc Ấn Độ cải thiện quan hệ với Mỹ có làm ảnh hưởng tới quan hệ giữa Ấn Độ với Trung Quốc hay không, còn tùy thuộc vào đường lối đối ngoại của Ấn Độ trong hiện tại và tương lai. Ấn Độ là một nước lớn, có khả năng thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, cân bằng quan hệ với các đối tác quan trọng Mỹ - Trung Quốc - Nga. Có thể nói, hiện nay Ấn Độ là một đối tác quan trọng mà Mỹ và Trung Quốc đã và đang cạnh tranh ảnh hưởng.

Đối với vấn đề quân sự, kể từ năm 1992 đến nay, Mỹ và Ấn Độ thường

xuyên tổ chức tập trận chung mang tên Malabar, những năm gần đây còn có sự tham gia của Singapore, Australia và Nhật Bản. Năm 2009, Mỹ và Ấn Độ tổ chức nhiều cuộc tập trận và diễn tập quân sự trên biển, trên đất liền và trên không, trong đó cuộc diễn tập "Chuẩn bị tác chiến" tổ chức trên đất liền ngày 19/10/2009 được coi là lớn nhất từ trước đến nay.

Như vậy có thể thấy, Trung Quốc là nhân tố quan trọng hàng đầu trong chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong đó có Đông Nam Á và Nam Á ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo Nhân dân, số ra các ngày 18, 19, 20/10/2009
2. Báo Nhân dân số ra các ngày 7, 8, 9, 10/3/2009
3. Instilecte for National Shakgic Studies "Stategic Assesment: Priorities in Turbulent World", 1999
4. Hoàng Anh Tuấn, "Phải chăng thế kỷ XXI là thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương", Tạp chí NCQT, tháng 4, tr. 26
5. Văn phòng Nhà Trắng, Chiến lược an ninh Quốc gia cho thế kỷ mới, Tài liệu dịch của Học viện QHQT - Bộ Ngoại giao, HN, 12/1999.